HTX SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 01/VVD
V/v gửi nộp 02 Bản tự công bố sản phẩm

Kiến Hải, ngày 22 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: **UBND xã Kiến Hải**

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm. Để chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất chế biến, kinh doanh nông sản; HTX sản xuất mật ong Tùng Hằng, địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Thôn Đông Tác Xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng gửi nộp 02 Bản tự công bố sản phẩm, cụ thể:

STT	Tên sản phẩm	Số bản tự công bố	Ngày công bố
1	Mật ong hoa rừng ngập mặn	Số 01/MOTH/2026	12/10/2026
2	Mật ong hoa táo Bàng La	Số 02/MOTH/2026	12/10/2026

Về UBND xã Kiến Hải nắm thông tin, quản lý *(gửi kèm bản chỉnh hoàn chỉnh bằng giấy)* .

HTX sản xuất mật ong Tùng Hằng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của 02 Bản tự công bố sản phẩm (Số 01/MOTH/2026, Số 02/MOTH/2026) và kính đề nghị UBND xã Kiến Hải quan tâm tiếp nhận 02 Bản tự công bố sản phẩm trên theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND xã Kiến Hải

CHỦ CƠ SỞ

S.G.C.N: 0202... HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG H.KIẾN THUỴ-TP.HẢI PHÒNG

Đặng Thanh Tùng

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG
Địa chỉ: Thôn Đông Tác, Xã Kiến Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

---

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/MOTH/2026

MẬT ONG HOA RỪNG NGẬP MẶN

Kiến Hải, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/MOTH/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức/cá nhân: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG**

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: 0968966309

Mã số doanh nghiệp/căn cước: **0202031829**, đăng ký lần đầu ngày 25/06/2020, do UBND huyện Kiến Thụy cấp.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 01/2026 UBNDKH-TPHP, ngày cấp 21/09/2026. Nơi cấp: UBND xã Kiến Hải, Hải Phòng

II. Thông tin về sản phẩm (thực phẩm)

1. Tên sản phẩm: **Mật ong hoa rừng ngập mặn**

2. Thành phần: 100% mật ong.

3. Bảo quản và thời hạn sử dụng 24 tháng, kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói có thể tích thực trong chai 500ml hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong chai thủy tinh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có dự thảo kèm theo):

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tiêu chuẩn của nhà sản xuất, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Tên chỉ tiêu	Cảm quan
Cảm quan (Màu sắc)	Màu vàng óng đặc trưng cho sản phẩm.
Cảm quan (Mùi, vị)	Thơm đặc trưng của mật ong, vị ngọt sắc
Cảm quan (Trạng thái)	Từ lỏng sánh cho đến kết tinh

2. Các chỉ tiêu hóa học *(kết quả thử nghiệm VLABO-260721-070/1 ngày 18/8/2026)*:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
1	Hàm lượng nước (độ ẩm)	%	19,9
2	Hàm lượng đường khử	g/100g	73,1
3	Saccharose (Sucrose)	g/100g	1,78

4	Chat không tan trong nước (Insoluble matter in water)	g/100g	KPH/ND
5	Hàm lượng Asen (As)/ Arsenic (As) content	mg/kg	KPH/ND
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ Cadmium (Cd) content	mg/kg	KPH/ND
7	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH/ND
8	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	KPH/ND
9	Định lượng Tổng vi sinh hiếu khí	CFU/g	$9,0x10^1$
10	Định lượng E.coli dương tính với ß- glucuronidase/ Enumerabon	CFU/g	<10
11	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	CFU/g	<10
12	Định lượng nấm men	CFU/g	<10
13	Định lượng nấm mốc	CFU/g	<10
14	Vi khuẩn kỵ khí khử	CFU/g	<10

Hợp tác xã sản xuất mật ong Tùng Hằng xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố cũng như chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Kiến Hải, ngày 12 tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC

S.G.C.N: 020203 - HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG - H.KIẾN THUỴ-TP.HẢI PHÒNG

Đặng Thanh Tùng

NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM

1- Tên sản phẩm: **MẬT ONG HOA RỪNG NGẬP MẶN**

2- Sản phẩm của: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG

+ Địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, TP. Hải Phòng.

+ Điện thoại: 0968966309

3- Xuất xứ: Việt Nam

4- Thể tích thực ở nhiệt độ 20°C: 500ml.

5- Ngày, tháng, năm sản xuất (NSX): In trên bao bì.

6- Hạn sử dụng (HSD): 24 tháng, kể từ ngày sản xuất.

7- Thành phần: 100% mật ong;

Không dư lượng thuốc BVTV, không chất bảo quản, không có kim loại nặng.

8- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc phát hiện có màu sắc, mùi vị bất thường.

9- Hướng dẫn sử dụng: Ăn, uống trực tiếp hoặc pha chế sử dụng tùy theo nhu cầu.

10- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11- Số tự công bố: 01/MOTH/2026.

12- Một số hình ảnh hoa rừng và nội dung quảng bá sản phẩm.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
Số: 01/MOTH/2026

I. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm, phương pháp thử, bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản đối với:

1. Tên Sản phẩm: **Mật ong hoa rừng ngập mặn** do Hợp tác xã sản xuất Mật ong Tùng Hằng sản xuất và phân phối.

2. Đối tượng áp dụng: Các bộ phận sản xuất, kiểm tra chất lượng, kinh doanh của cơ sở và các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu.

II. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này:

1. TCVN 12605:2019: Mật ong – Yêu cầu kỹ thuật.

2. TCVN 5267-1:2008: Mật ong – Phần 1: Sản phẩm đã chế biến và sử dụng trực tiếp.

3. QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

4. QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

III. Chỉ tiêu kỹ thuật:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Tên chỉ tiêu	Cảm quan
Cảm quan (Màu sắc)	Màu vàng óng đặc trưng cho sản phẩm.
Cảm quan (Mùi, vị)	Thơm đặc trưng của mật ong, vị ngọt sắc
Cảm quan (Trạng thái)	Từ lỏng sánh cho đến kết tinh

2. Các chỉ tiêu lý - hóa học cơ bản (theo TCVN 12605:2019)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Hàm lượng nước (độ ẩm)	%	≤ 23
2	Hàm lượng đường khử	g/100g	≥ 60
3	Saccharose (Sucrose)	g/100g	≤ 5
4	Chat không tan trong nước (Insoluble matter in water)	g/100g	≤ 0,1
5	Hàm lượng Asen (As)/ Arsenic (As) content	mg/kg	KPH/ND
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ Cadmium (Cd) content	mg/kg	KPH/ND
7	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH/ND

8	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	KPH/ND
9	Định lượng Tổng vi sinh hiếu khí	CFU/g	$9,0x10^1$
10	Định lượng E.coli dương tính với ß-glucuronidase/ Enumerabon	CFU/g	<10
11	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	CFU/g	<10
12	Định lượng nấm men	CFU/g	<10
13	Định lượng nấm mốc	CFU/g	<10
14	Vi khuẩn kỵ khí khử	CFU/g	<10

IV. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và Bảo quản

1. Bao gói: Mật ong được đựng trong các chai thủy tinh hoặc chai nhựa chuyên dùng thực phẩm sạch, khô, kín, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Ghi nhãn: Các nội dung bắt buộc trên nhãn:

- Tên sản phẩm: **Mật ong hoa rừng ngập mặn**.

- Tên và địa chỉ của tổ chức: Hợp tác xã sản xuất mật ong Tùng Hằng; địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng.

- Định lượng (thể tích): chai 500ml hoặc thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng: In trên bao bì sản phẩm, hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản.

- Số hiệu Tiêu chuẩn cơ sở: **01/MOTH/2026**.

3. Vận chuyển và bảo quản

- Vận chuyển: Phương tiện vận chuyển phải khô ráo, sạch sẽ, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm.

- Bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ thường (tránh tủ lạnh dễ gây kết tinh), tránh ánh nắng trực tiếp.

IV. Quy trình sản xuất:

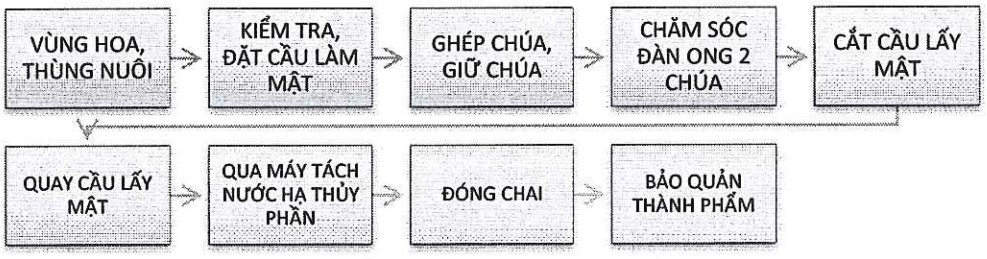

Tiêu chuẩn cơ sở có hiệu lực từ ngày ký./.

Kiến Hải, ngày 12 tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG

Đặng Thanh Tùng

UBND HUYỆN KIẾN THUỴ
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 0202031829

Đăng ký lần đầu, ngày 25 tháng 6 năm 2020

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: TUNG HANG HONEY PRODUCTION COOPERATIVE

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX SXMOTH

2. Địa chỉ trụ sở chính: thôn Đông Tác 2, Xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thuỵ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0968966309 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi *Nuôi ong lấy mật*	0162 *(chính)*
2	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
4	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
6	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7	Trồng cây ăn quả	0121
8	Chăn nuôi gia cầm	0146
9	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò *Chăn nuôi trâu bò*	0141
10	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
12	Bán hoa, cây cảnh trong cửa hàng	*Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

4. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)*

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên : ĐẶNG THANH TÙNG Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 18/02/1969 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031153705

Ngày cấp: 22/03/2013 Nơi cấp: Công an thành phố Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đông Tác, Xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thuỵ, Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đông Tác, Xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thuỵ, Hải Phòng, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
UBND THỊ TP HẢI PHÒNG

Nguyễn Thế Đoàn

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
15-10-2026
Số: 1912 Quyển: 05
UBND XÃ KIẾN HẢI TP. HẢI PHÒNG

U.B.N.D XÃ KIẾN HẢI T.P HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Phạm Ngọc Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN HẢI

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: **Hợp tác xã Sản xuất mật ong Tùng Hằng.**

Mã số đăng ký kinh doanh: 0202031829.

Địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0968966309; Email: matongtunghang@gmail.com

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

1. Sơ chế, đóng gói mật ong.

Số cấp: 01/2026/UBNDKH-TPHP.
Có hiệu lực đến ngày 20 tháng 9 năm 2029.

Kiến Hải, ngày 21 tháng 9 năm 2026
CHỦ TỊCH

Vũ Huy Thưởng

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
16-10-2026
Số: 19023 Quyển: 01
UBND XÃ KIẾN HẢI TP. HẢI PHÒNG

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Phạm Ngọc Tình

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260721-070/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 18/08/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	21/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	21/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**Mật ong hoa rừng ngập mặn**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong bao bì kín/ *Samples in sealed packaging.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
16-10-2026
Số: 19024 Quyển: 01
UBND. XÃ KIẾN HẢI TP. HẢI PHÒNG

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS
M.S.D.N: 0316652523 - C.T.
P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

UBND. XÃ KIẾN HẢI T.P HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Phạm Ngọc Einh

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/ *Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	$9,0 \times 10^1$	-
2.	Định lượng *E.coli* dương tính với β-glucuronidase/ *Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/ *Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
4.	Phát hiện *Salmonella* spp./ *Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
5.	Định lượng nấm men/ *Enumeration of yeasts*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm mốc/ *Enumeration of moulds*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Vi khuẩn kỵ khí khử sulfite/ *Enumeration of sulfite reducing bacteria growing under anaerobic*	TCVN 7902:2008(a)	CFU/g	<10	-
8.	Hàm lượng đường khử	HD.TN.061:2018 (Ref. EC 152:2009 & TCVN 4594:1988)(s)	g/100g	73,1	-
9.	Độ ẩm	HD.TN.239: 2018 (Ref. Atago PAL 22S (No. 4422))(s)	g/100g	19,9	-
10.	Saccharose (Sucrose)	HD.TN.383:2022 (Ref: DIN 10758) (s)	g/100g	1,78	-
11.	Chất không tan trong nước (Insoluble matter in water)	TCVN 5264:1990(s)	g/100g	KPH/ND	LOD=0,015
12.	Hàm lượng Asen (As)/ *Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
13.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ *Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
14.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
15.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG
Địa chỉ: Thôn Đông tác, xã Kiến Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

---

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/MOTH/2026

MẬT ONG HOA TÁO BÀNG LA

Kiến Hải, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/MOTH/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức/cá nhân: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG**

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: 0968966309

Mã số doanh nghiệp/căn cước: **0202031829**, đăng ký lần đầu ngày 25/06/2020, do UBND huyện Kiến Thụy cấp.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 01/2026 UBNDKH-TPHP, ngày cấp 21/09/2026. Nơi cấp: UBND xã Kiến Hải, Hải Phòng

II. Thông tin về sản phẩm (thực phẩm)

1. Tên sản phẩm: **Mật ong hoa Táo Bàng La**

2. Thành phần: 100% mật ong.

3. Thời hạn sử dụng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói có thể tích trong chai 500ml hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong chai thủy tinh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm.

- Tên Hợp tác xã sản xuất Mật ong Tùng Hằng

- Địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, TP. Hải Phòng

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có dự thảo kèm theo):

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tiêu chuẩn của nhà sản xuất, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Tên chỉ tiêu	Cảm quan
Cảm quan (Màu sắc)	Màu vàng óng đặc trưng cho sản phẩm.
Cảm quan (Mùi, vị)	Thơm đặc trưng của mật ong, vị ngọt sắc
Cảm quan (Trạng thái)	Từ lỏng sánh cho đến kết tinh

2. Các chỉ tiêu hóa học *(kết quả thử nghiệm VLABO-260721-070/1 ngày 18/8/2026)*:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm

1	Hàm lượng nước (độ ẩm)	%	19,9
2	Hàm lượng đường khử	g/100g	72,6
3	Saccharose (Sucrose)	g/100g	1,78
4	Chat không tan trong nước (Insoluble matter in water)	g/100g	KPH/ND
5	Hàm lượng Asen (As)/ Arsenic (As) content	mg/kg	KPH/ND
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ Cadmium (Cd) content	mg/kg	KPH/ND
7	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH/ND
8	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	KPH/ND
9	Định lượng Tổng vi sinh hiếu khí	CFU/g	$1,5 \times 10^2$
10	Định lượng E.coli dương tính với ß- glucuronidase/ Enumerabon	CFU/g	<10
11	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	CFU/g	<10
12	Định lượng nấm men	CFU/g	<10
13	Định lượng nấm mốc	CFU/g	<10
14	Vi khuẩn kỵ khí khử	CFU/g	<10

Hợp tác xã sản xuất mật ong Tùng Hằng xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố cũng như chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Kiến Hải, ngày 12 tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG

Đặng Thanh Tùng

NỘI DUNG MẪU NHÃN SẢN PHẨM

1- Tên sản phẩm: **MẬT ONG HOA TÁO BÀNG LA**

2- Sản phẩm của: HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG

+ Địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, TP. Hải Phòng.

+ Điện thoại: 0968966309

3- Xuất xứ: Việt Nam

4- Thể tích thực ở nhiệt độ 20°C: 500ml.

5- Ngày, tháng, năm sản xuất (NSX): In trên bao bì.

6- Hạn sử dụng (HSD): 24 tháng, kể từ ngày sản xuất.

7- Thành phần: 100% mật ong;

Không dư lượng thuốc BVTV, không chất bảo quản, không có kim loại nặng.

8- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc phát hiện có màu sắc, mùi vị bất thường.

9- Hướng dẫn sử dụng: Ăn, uống trực tiếp hoặc pha chế sử dụng tùy theo nhu cầu.

10- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11- Số tự công bố: 02/MOTH/2026

12- Một số hình ảnh hoa rừng và nội dung quảng bá sản phẩm.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
Số: 02/MOTH/2026

I. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm, phương pháp thử, bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản đối với:

1. Tên Sản phẩm: **Mật ong hoa táo Bàng La** do Hợp tác xã sản xuất Mật ong Tùng Hằng sản xuất và phân phối.

2. Đối tượng áp dụng: Các bộ phận sản xuất, kiểm tra chất lượng, kinh doanh của cơ sở và các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu.

II. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này:

1. TCVN 12605:2019: Mật ong – Yêu cầu kỹ thuật.

2. TCVN 5267-1:2008: Mật ong – Phần 1: Sản phẩm đã chế biến và sử dụng trực tiếp.

3. QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

4. QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

III. Chỉ tiêu kỹ thuật:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Tên chỉ tiêu	Cảm quan
Cảm quan (Màu sắc)	Màu vàng óng đặc trưng cho sản phẩm.
Cảm quan (Mùi, vị)	Thơm đặc trưng của mật ong, vị ngọt sắc
Cảm quan (Trạng thái)	Từ lỏng sánh cho đến kết tinh

2. Các chỉ tiêu lý - hóa học cơ bản (theo TCVN 12605:2019)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Hàm lượng nước (độ ẩm)	%	≤ 23
2	Hàm lượng đường khử	g/100g	≥ 60
3	Saccharose (Sucrose)	g/100g	≤ 5
4	Chat không tan trong nước (Insoluble matter in water)	g/100g	≤ 0,1
5	Hàm lượng Asen (As)/ Arsenic (As) content	mg/kg	KPH/ND
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ Cadmium (Cd) content	mg/kg	KPH/ND
7	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH/ND
8	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	KPH/ND

9	Định lượng Tổng vi sinh hiếu khí	CFU/g	$1,5 \times 10^2$
10	Định lượng E.coli dương tính với ß-glucuronidase/ Enumerabon	CFU/g	<10
11	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	CFU/g	<10
12	Định lượng nấm men	CFU/g	<10
13	Định lượng nấm mốc	CFU/g	<10
14	Vi khuẩn kỵ khí khử	CFU/g	<10

IV. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và Bảo quản

1. Bao gói: Mật ong được đựng trong các chai thủy tinh hoặc chai nhựa chuyên dùng thực phẩm sạch, khô, kín, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Ghi nhãn: Các nội dung bắt buộc trên nhãn:

- Tên sản phẩm: **Mật ong hoa táo Bàng La.**

- Tên và địa chỉ của tổ chức: Hợp tác xã sản xuất mật ong Tùng Hằng; địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng.

- Định lượng (thể tích): chai 500ml hoặc thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng: In trên bao bì sản phẩm..

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản.

- Số hiệu Tiêu chuẩn cơ sở: **02/MOTH/2026.**

3. Vận chuyển và bảo quản

- Vận chuyển: Phương tiện vận chuyển phải khô ráo, sạch sẽ, không có mùi lạ, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm.

- Bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ thường (tránh tủ lạnh dễ gây kết tinh), tránh ánh nắng trực tiếp.

IV. Quy trình sản xuất:

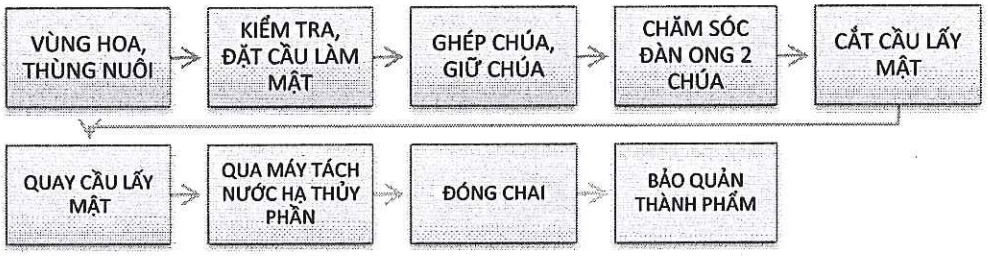

Tiêu chuẩn cơ sở có hiệu lực từ ngày ký./.

Kiến Hải, ngày 12 tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG

Đặng Thanh Tùng

UBND HUYỆN KIẾN THUỴ
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 0202031829

Đăng ký lần đầu, ngày 25 tháng 6 năm 2020

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: TUNG HANG HONEY PRODUCTION COOPERATIVE

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX SXMOTH

2. Địa chỉ trụ sở chính: thôn Đông Tác 2, Xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thuỵ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0968966309 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi *Nuôi ong lấy mật*	0162 *(chính)*
2	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
4	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
6	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7	Trồng cây ăn quả	0121
8	Chăn nuôi gia cầm	0146
9	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò *Chăn nuôi trâu bò*	0141
10	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
12	Bán hoa, cây cảnh trong cửa hàng	*Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

4. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)*

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên : ĐẶNG THANH TÙNG Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 18/02/1969 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031153705

Ngày cấp: 22/03/2013 Nơi cấp: Công an thành phố Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đông Tác, Xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thuy, Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đông Tác, Xã Đại Hợp, Huyện Kiến Thuy, Hải Phòng, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Nguyễn Thế Đoàn

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
15-10-2026
Số: 19012 Quyển: 05
UBND. XÃ KIẾN HẢI TP. HẢI PHÒNG

U.B.N.D XÃ KIẾN HẢI T.P HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Phạm Ngọc Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN HẢI

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: **Hợp tác xã Sản xuất mật ong Tùng Hằng.**

Mã số đăng ký kinh doanh: 0202031829.

Địa chỉ: Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0968966309; Email: matongtunghang@gmail.com

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

1. Sơ chế, đóng gói mật ong.

Số cấp: 01/2026/UBNDKH-TPHP.
Có hiệu lực đến ngày 20 tháng 9 năm 2029.

Kiến Hải, ngày 21 tháng 9 năm 2026
CHỦ TỊCH

Vũ Huy Thưởng

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
15-10-2026
Số: 19013 Quyển: 05
UBND XÃ KIẾN HẢI TP. HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Phạm Ngọc Tình

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260721-070/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 18/08/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT MẬT ONG TÙNG HẰNG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Thôn Đông Tác, xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	21/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	21/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**Mật ong hoa táo Bàng La**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong bao bì kín/ *Samples in sealed packaging.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
16-10-2026
Số: 19624 Quyển: 01
UBND XÃ KIẾN HẢI TP. HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Phạm Ngọc Tình

Tổng giám đốc
General Director

Nguyễn Quốc Toàn

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/ *Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	$1,5 \times 10^2$	-
2.	Định lượng *E.coli* dương tính với β-glucuronidase/ *Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/ *Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
4.	Phát hiện *Salmonella* spp./ *Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
5.	Định lượng nấm men/ *Enumeration of yeasts*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm mốc/ *Enumeration of moulds*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Vi khuẩn kỵ khí khử sulfite/ *Enumeration of sulfite reducing bacteria growing under anaerobic*	TCVN 7902:2008(a)	CFU/g	<10	-
8.	Độ ẩm	HD.TN.239: 2018 (Ref. Atago PAL 22S (No. 4422)) (s)	g/100g	19,9	-
9.	Chất không tan trong nước (Insoluble matter in water)	TCVN 5264:1990(s)	g/100g	KPH/ND	LOD=0,015
10.	Hàm lượng đường khử	HD.TN.061:2018 (Ref. EC 152:2009 & TCVN 4594:1988)(s)	g/100g	72,6	-
11.	Saccharose (Sucrose)	HD.TN.383:2022 (Ref: DIN 10758) (s)	g/100g	KPH/ND	LOD=0,5
12.	Hàm lượng Asen (As)/ *Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
13.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ *Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260721-070/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 18/08/2026
Trang/ *Page* : 3/3

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
14.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) conten*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
15.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]